



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 8 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Kiểm tra Chất lượng sản phẩm
Laboratory: Quality Control Department
Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Hưng Thịnh Rubber
Organization: Hung Thinh Rubber Company Limited
Số hiệu/ Code: VILAS 1032
Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực: Hóa, Cơ
Field: Chemical, Mechanical
Người quản lý: Nguyễn Thị Lan Thanh
Laboratory manager: Nguyen Thi Lan Thanh
Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031
Địa chỉ: Tổ 13, ấp Tân Lợi B, xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Address: Group 13, Tan Loi B Hamlet, Tan Phu Commune, Tay Ninh province, Vietnam
Địa điểm: Tổ 13, ấp Tân Lợi B, xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Location: Group 13, Tan Loi B Hamlet, Tan Phu Commune, Tay Ninh province, Vietnam
Điện thoại/ Tel: 02763870950
Email: nguyenthilanthanh@hungthinhrrubber.com
Website: www.hungthinhrrubber.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1032****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ***Field of testing: Chemical, Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên SVR <i>Rubber, Raw Natural SVR</i>	Xác định hàm lượng tro. Phương pháp A <i>Determination of ash content. A method</i>	(0,13 ~ 0,76) % m/m	TCVN 6087:2010
2.		Xác định hàm lượng chất bay hơi. Phương pháp tủ sấy quy trình A <i>Determination of volatile-matter content. Oven method, procedure A</i>	(0,16 ~ 0,51) % m/m	TCVN 6088-1:2014
3.		Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,01 ~ 0,16) % m/m	TCVN 6089:2016
4.		Xác định hàm lượng Nitơ. Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of nitrogen content. Semi-micro method</i>	(0,22 ~ 0,38) % m/m	TCVN 6091:2016
5.		Xác định độ nhớt Mooney. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt <i>Determination of Mooney viscosity. Method using a shearing-disc viscometer</i>	(45 ~ 78) Đơn vị Wallace/ Wallace unit	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)
6.		Xác định độ dẻo P ₀ Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity P₀ Rapid-plastimeter method</i>	(31,0 ~ 40,0) Đơn vị Wallace/ Wallace unit	TCVN 8493:2010
7.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(48,8 ~ 83,4) %	TCVN 8494:2020
8.		Xác định chỉ số màu <i>Determination of colour index</i>	(4,0 đến/to 5,0) Đơn vị Lovibond/ Lovibond unit	TCVN 6093:2013
9.	Latex cao su thiên nhiên cô đặc <i>Natural rubber latex concentrate</i>	Xác định tổng hàm lượng chất rắn <i>Determination of total solids content</i>	(61,20 ~ 63,0)% m/m	TCVN 6315:2015 (ISO 124 : 2014)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1032**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Latex cao su thiên nhiên cô đặc <i>Natural rubber latex concentrate</i>	Xác định hàm lượng cao su khô <i>Determination of dry rubber content</i>	(60,01 ~61,00)% m/m	TCVN 4858:2007 (ISO 126:2005)
11.		Xác định độ ổn định cơ học <i>Determination of mechanical stability</i>	(60 ~ 1500) Giây/Second	TCVN 6316:2007 (ISO 35:2004/Amd 1:2006)
12.		Xác định trị số axit béo bay hơi <i>Determination of volatile fatty acid number</i>	(0,02 đến/to 0,06)	TCVN 6321:1997
13.		Xác định trị số KOH <i>Determination of KOH number</i>	(0,43 ~ 0,70)	TCVN 4856:2015
14.		Xác định độ kiềm <i>Determination of alkalinity</i>	(0,29 ~ 0,75) % m/m	TCVN 4857:2015
15.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	(4,00 ~ 12,00)	TCVN 4860:2015

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnam Standards*.
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế *International Organization for Standardization/*.

Trường hợp Công ty TNHH Hưng Thịnh Rubber cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty TNHH Hưng Thịnh Rubber phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Hưng Thịnh Rubber Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*